

Số: 71 /UBND-VP

V/v công khai giải quyết hồ sơ
TTHC thực hiện dịch vụ công
trực tuyến mức độ 4 thuộc
thẩm quyền giải quyết của
UBND xã trên Cổng dịch vụ
công Hải Dương

Minh Đức, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: - Cán bộ, Công chức chuyên môn UBND xã;
- Trưởng các ngành, đoàn thể xã.

Thực hiện Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của UBND tỉnh Hải Dương về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công tỉnh Hải Dương và văn bản hướng dẫn của các sở, ngành liên quan. Theo đó Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận trực tuyến mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã gồm 30 TTHC trên các lĩnh vực: Tư pháp, Nông nghiệp và PTNT, Văn hóa Thông tin, Nội vụ, Lao động- Thương binh và Xã hội, Văn phòng và 04 TTHC dùng chung cho cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Ngày 25/3/2022, UBND huyện Ban hành Công văn số 371/UBND-VP về việc công khai, giải quyết hồ sơ TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên Cổng dịch vụ công tỉnh Hải Dương.

Để triển khai thực hiện Quyết định số 658/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương và Công văn 371/UBND-VP, Chủ tịch UBND xã yêu cầu các cán bộ, công chức chuyên môn thuộc UBND, Trưởng các ngành, đoàn thể xã tập trung thực hiện:

1. Công chức chuyên môn UBND xã kiểm soát, bổ sung, điều chỉnh để cập nhật đầy đủ vào Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã; cung cấp Danh mục, nội dung TTHC niêm yết công khai tại Bộ phận Một cửa và Trang thông tin điện tử theo quy định trước ngày 30/3/2022.

2. Hướng dẫn, tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 658/QĐ-UBND và các thủ tục hành chính đã cung cấp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh đảm bảo số lượng giao dịch phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt và vượt chỉ tiêu đối với UBND xã trên tổng số hồ sơ TTHC quy định thực hiện.

Quy trình, cách thức thực hiện các dịch vụ công trực tuyến được đăng tải trên Cổng dịch vụ công tỉnh Hải Dương tại địa chỉ: <https://dichvucong>.

haiduong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>).

3. Công chức Văn phòng HĐND-UBND Phối hợp với các công chức chuyên môn thực hiện niêm yết công khai Danh mục, nội dung TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã tại Bộ phận một cửa xã.

4. Đài Truyền thanh xã, Trang thôn tin điện tử của xã thực hiện đăng tải công khai thông tin để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu giải quyết TTHC quyết dịch vụ công trực tuyến trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết các cấp biết và thực hiện.

5. Đề nghị Sở Thông tin và truyền thông tỉnh, Phòng Văn hóa - Thông tin huyện tiếp tục quan tâm, hỗ trợ về mặt kỹ thuật, hướng dẫn đăng ký tài khoản sử dụng, thực hiện thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

6. Giao Công chức Văn phòng HĐND - UBND: theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp, báo cáo UBND xã về tình hình, kết quả thực hiện của các công chức chuyên môn, Trưởng các ngành, đoàn thể.

7. Công chức Văn phòng Nội vụ kết hợp cùng Công chức Văn phòng HĐND - UBND thường xuyên kiểm tra, theo dõi đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ gắn với trách nhiệm của người đứng đầu của UBND xã.

Yêu cầu các cán bộ, Công chức chuyên môn, Trưởng các ngành, đoàn thể nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, liên hệ trực tiếp đồng chí Công chức Văn phòng HĐND-UBND xã để được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan;

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Lăng

Phụ lục
Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4
trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Hải Dương thuộc thẩm quyền giải quyết
của UBND xã

*(Kèm theo Công văn số 71/UBND-VP ngày 28/3/2022
của Chủ tịch UBND xã Minh Đức)*

A. DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 CỦA XÃ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/Dịch vụ công
I	ĐẤT ĐAI	
1.	1.003554.000.00.00.H23	Hòa giải tranh chấp đất đai
II	HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ	
2.	2.002080.000.00.00.H23	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên
3.	2.000930.000.00.00.H23	Thủ tục thôi làm hòa giải viên
4.	2.000373.000.00.00.H23	Thủ tục công nhận hòa giải viên
III	KHIẾU NẠI, TỔ CÁO	
5.	2.002396.000.00.00.H23	Thủ tục Giải quyết tố cáo tại cấp xã
IV	KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG	
6.	1.004082.000.00.00.H23	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích
V	LAO ĐỘNG-TB&XH	
7.	1.001699.000.00.00.H23	Thủ tục xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật
8.	1.001653.000.00.00.H23	Thủ tục Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật
9.	2.000355.000.00.00.H23	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn
10.	1.003337.000.00.00.H23	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi
11.	2.001382.000.00.00.H23	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ
VI	TƯ PHÁP	
12.	2.001255.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước
13.	2.001449.000.00.00.H23	Thủ tục cho thôi làm Tuyên truyền viên pháp luật
14.	2.001457.000.00.00.H23	Thủ tục công nhận Tuyên truyền viên pháp luật
15.	1.004837.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký giám hộ
16.	1.000894.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký kết hôn
17.	1.004845.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ
18.	1.000593.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động

VII	PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI	
19.	1.000132.000.00.00.H23	Thủ tục Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình

VIII	THI ĐUA KHEN THƯỞNG	
20.	2.000305.000.00.00.H23	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến
21.	2.000337.000.00.00.H23	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất
22.	2.000346.000.00.00.H23	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề
23.	1.000748.000.00.00.H23	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình
24.	1.000775.000.00.00.H23	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị
IX	TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỔ CÁO	
25.	2.001909.000.00.00.H23	Thủ tục Tiếp công dân tại cấp xã
IX	NN&PTNT	
26.	1.008004.000.00.00.H23	Thủ tục Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa
XI	VĂN HÓA CƠ SỞ	
27.	1.000954.000.00.00.H23	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm
28.	1.001120.000.00.00.H23	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa
29.	2.000794.000.00.00.H23	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở
XII	XỬ LÝ ĐƠN	
30.	2.001801.000.00.00.H23	Thủ tục Xử lý đơn tại cấp xã